TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST Ngày: 11-7-2018. V/v Tranh chấp ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Khel.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Châu Thị Tuyết L**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số HT đường K, khóm S, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Số M đường Đ, khóm M, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông **Phạm Tường T**, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số HT đường K, khóm S, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Số M đường Đ, khóm M, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Châu Thị Tuyết L trình bày:

Bà và ông Phạm Tường T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã p, tỉnh Hậu Giang (nay là thành phố P, tỉnh Sóc Trăng) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24 tháng 9 năm 1986. Quá trình chung sống ông, bà có một người con chung tên Phạm Châu Ngọc Tr (nữ, sinh ngày 17/12/1987) hiện chị Tr đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Đồng thời ông, bà có tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận và không có nợ chung.

Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Ông, bà đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Bà L nhận thấy không còn tình cảm với ông T, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Tường T.

Về con chung: Do chị Phạm Châu Ngọc Tr (nữ, sinh ngày 17/12/1987) đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Châu Thị Tuyết L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn, ông Phạm Tường T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn ông Phạm Tường T không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Tường T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 227, Khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Tường T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Tuyết L, về quan hệ hôn nhân của bà Châu Thị Tuyết L và ông Phạm Tường T không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường b, thị xã P, tỉnh Hậu Giang (nay là thành phố P, tỉnh Sóc Trăng) theo quy định tại Điều 4, Điều 6, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu bà L, ông T chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Tại tòa bà L xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn và kiên quyết xin ly hôn với ông T. Đồng thời, từ năm 2013 đến nay ông T, bà L đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Do chị Phạm Châu Ngọc Tr (nữ, sinh ngày 17/12/1987) đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Châu Thị Tuyết L tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Châu Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a, Khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Châu Thị Tuyết L và ông Phạm Tường T.

2. Về con chung: Do chị Phạm Châu Ngọc Tr (nữ, sinh ngày 17/12/1987) đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Châu Thị Tuyết L tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Châu Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền ứng tạm ứng án phí bà Lan đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000206 ngày 21/02/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Sóc Trăng; Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Phạm Tường T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP P;
- Chi cục THADSTP P;
- Ủy ban nhân dân phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Tuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Tuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA